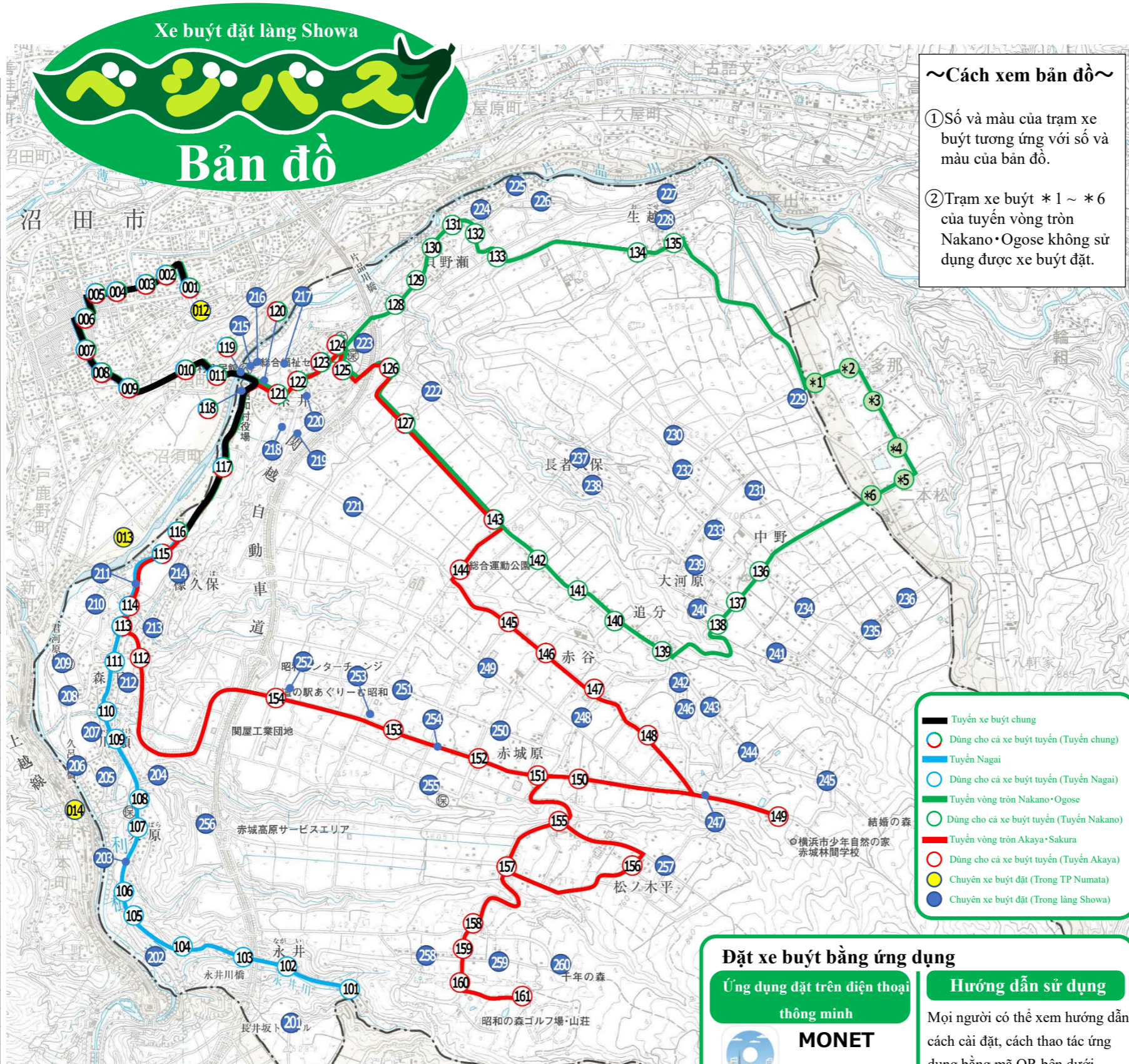


Xe buýt đặt

Danh sách trạm xe buýt

No.	Tên trạm xe buýt	No.	Tên trạm xe buýt
Trạm xe buýt tuyến và đặt trong thành phố			
001	沼田市保健福祉センター前	154	昭和インター入口
002	十王公園入口	155	松ノ木平第1入口
003	沼田税務署前	156	桐生地区
004	沼田高校入口	157	板戸
005	材木町	158	十二様前
006	上之町	159	桜
007	馬喰町	160	赤城久呂保高原
008	旭ヶ丘	161	昭和の森山荘前
009	細新道	Trạm xe buýt đặt trong làng	
010	上沼須	201	長井坂城跡前
011	下方	202	永井鏡石
Trạm xe buýt đặt trong thành phố			
012	国立沼田病院	203	馬場
013	利根中央病院	204	入沢上
014	岩本駅	205	伏田
Trạm xe buýt tuyến và đặt trong làng			
101	永井	206	神田
102	永井中	207	椋岸
103	下永井	208	ローソン昭和利根店
104	箱根神社	209	南小学校前
105	永井口	210	森下下平
106	清水	211	セブンイレブン昭和森下店
107	入原	212	地域活性化センター
108	入沢	213	椋久保南部住民センター前
109	宮貝戸	214	椋久保詰所前
110	藤井	215	沼田村公民館
111	久呂保農協前	216	昭和の湯
112	正禅寺	217	常木
113	大森神社前	218	宿天神
114	鎌沢	219	南内出入口
115	椋久保入口	220	上糸井集落センター
116	昭和中学校前	221	下七曲
117	糸井河原	222	糸井嶺
118	とねしん昭和支店前	223	大貴原
119	昭和村役場前	224	池替戸
120	くんぎんATM前	225	貝野瀬上原
121	糸井宿	226	貝野瀬神原
122	糸井区民館前	227	生越清水
123	中内	228	生越住民センター
124	昭和東小前	229	早おき村
125	上内出	230	貝野瀬ビューポイント
126	中棚	231	中野下
127	新堀	232	中野十二様前
128	寺貝戸	233	中野下集荷場
129	田岸	234	中野上
130	堀ノ内	235	上中野住民センター
131	貝野瀬農協前	236	中野営団入口
132	久保内	237	長者久保橋前
133	貝野瀬	238	長者久保住民センター
134	生越下	239	大河原雷電神社前
135	生越	240	大河原小学校
136	中野	241	大河原十二様前
137	大河原	242	泰山地藏前
138	大河原小前	243	追分大日向
139	開協前(追分住民センター)	244	追分上平
140	赤谷入口	245	船ヶ鼻登山口
141	追分	246	奥利根ワイナリー前
142	南原	247	五本辻
143	長者久保入口	248	上原北
144	総合運動公園	249	中原北
145	赤谷下	250	中原東
146	赤谷	251	下原北
147	赤谷区民館前	252	道の駅あくりーも昭和
148	赤谷上	253	赤城原望郷ライン交差点前
149	赤城林間学園	254	中原
150	上原	255	中原南
151	赤城原	256	赤城高原サービスエリア前
152	赤城原開協前	257	松ノ木平第一住民センター
153	下原	258	横道上
		259	利根実業赤城農場前
		260	千年の森



Giới thiệu về xe buýt đặt ở làng Showa

Đối tượng	Bất cứ ai cũng có thể sử dụng
Ngày chạy xe	Hàng ngày
Thời gian chạy	9:00~17:00
Cước phí	Một người Người lớn 400 Yên / Học sinh tiểu học 200 Yên Người khuyết tật Giảm giá 1 nửa / Trẻ chưa đi học Miễn phí ※Cước phí cố định, không liên quan đến đoạn đường (khoảng cách) sử dụng.
Cách sử dụng	●Cần đặt trước ít nhất 1 tiếng trước khi lên xe. ●Đặt lịch trước từ số điện thoại chuyên dụng hoặc từ ứng dụng. ●Thanh toán cước phí trước khi xuống xe.

Đặt xe buýt bằng ứng dụng

Ứng dụng đặt trên điện thoại thông minh

MONET

Ứng dụng đặt xe

Hướng dẫn sử dụng

Mọi người có thể xem hướng dẫn cách cài đặt, cách thao tác ứng dụng bằng mã QR bên dưới.

Trang chủ của làng

Đặt xe buýt qua điện thoại (Công ty cổ phần Kanetsukotsu – Chi nhánh Numata)

●Số tổng đài đặt lịch ●
0278-25-8812 (Thời gian tiếp nhận 8:00~18:00)
※ Tổng đài chỉ sử dụng tiếng Nhật.

Thời gian hoạt động xe buýt tuyến

Tuyến Nagai Đến Nagai			Tuyến vòng tròn Nakano・Ogose Chiều đến Oiwake・Nakano trước			Tuyến vòng tròn Akaya・Sakura Chiều đến Akaya trước		
Số	Tên trạm xe buýt	Giờ	Số	Tên trạm xe buýt	Giờ	Số	Tên trạm xe buýt	Giờ
001	沼田市保健福祉センター前	7:05	118	昭和村役場前(とねしん昭和支店前)	7:08	118	昭和村役場前	7:03
002	十王公園入口	7:06	119	昭和村役場前(とねしん昭和支店前)	7:08	119	昭和村役場前	7:03
003	沼田税務署前	7:07	120	昭和村役場前(とねしん昭和支店前)	7:08	120	昭和村役場前	7:03
004	沼田高校入口	7:08	121	赤井宿	7:09	121	赤井宿	7:04
005	材木町	7:08	122	赤井区民館前	7:09	122	赤井区民館前	7:04
006	上之町	7:10	123	中内	7:09	123	中内	7:05
007	馬喰町	7:11	124	昭和東小前	7:10	124	昭和東小前	7:05
008	旭ヶ丘	7:12	125	上内出	7:11	125	上内出	7:06
009	細新道	7:13	126	中棚	7:12	126	中棚	7:07
010	上沼須	7:14	127	新堀	7:13	127	新堀	7:09
011	下方	7:15	128	寺貝戸	7:15	128	寺貝戸	7:12
012	国立沼田病院	7:16	129	田岸	7:16	129	田岸	7:14
013	利根中央病院	7:16	130	堀ノ内	7:17	130	堀ノ内	7:15
014	岩本駅	7:16	131	貝野瀬農協前	7:18	131	貝野瀬農協前	7:16
001	沼田市保健福祉センター前	7:05	132	久保内	7:18	132	久保内	7:17
002	十王公園入口	7:06	133	貝野瀬	7:20	133	貝野瀬	7:18
003	沼田税務署前	7:07	134	生越下	7:20	134	生越下	7:18
004	沼田高校入口	7:08	135	生越	7:21	135	生越	7:18
005	材木町	7:08	136	中野	7:21	136	中野	7:25
006	上之町	7:10	137	大河原	7:21	137	大河原	7:25
007	馬喰町	7:11	138	中野下	7:21	138	中野下	7:25
008	旭ヶ丘	7:12	139	中野十二様前	7:21	139	中野十二様前	7:25
009	細新道	7:13	140	中野下集荷場	7:21	140	中野下集荷場	7:25
010	上沼須	7:14	141	中野上	7:21	141	中野上	7:25
011	下方	7:15	142	上中野住民センター	7:21	142	上中野住民センター	7:25
012	国立沼田病院	7:16	143	中野営団入口	7:21	143	中野営団入口	7:25
013	利根中央病院	7:16	144	長者久保橋前	7:21	144	長者久保橋前	7:25
014	岩本駅	7:16	145	長者久保住民センター	7:21	145	長者久保住民センター	7:25
001	沼田市保健福祉センター前	7:05	146	大河原雷電神社前	7:21	146	大河原雷電神社前	7:25
002	十王公園入口	7:06	147	大河原小学校	7:21	147	大河原小学校	7:25
003	沼田税務署前	7:07	148	大河原十二様前	7:21	148	大河原十二様前	7:25
004	沼田高校入口	7:08	149	泰山地藏前	7:21	149	泰山地藏前	7:25
005	材木町	7:08	150	追分大日向	7:21	150	追分大日向	7:25
006	上之町	7:10	151	追分上平	7:21	151	追分上平	7:25
007	馬喰町	7:11	152	追分上平	7:21	152	追分上平	7:25
008	旭ヶ丘	7:12	153	船ヶ鼻登山口	7:21	153	船ヶ鼻登山口	7:25
009	細新道	7:13	154	奥利根ワイナリー前	7:21	154	奥利根ワイナリー前	7:25
010	上沼須	7:14	155	五本辻	7:21	155	五本辻	7:25
011	下方	7:15	156	上原北	7:21	156	上原北	7:25
012	国立沼田病院	7:16	157	中原北	7:21	157	中原北	7:25
013	利根中央病院	7:16	158	中原東	7:21	158	中原東	7:25
014	岩本駅	7:16	159	下原北	7:21	159	下原北	7:25
001	沼田市保健福祉センター前	7:05	160	道の駅あくりーも昭和	7:21	160	道の駅あくりーも昭和	7:25
002	十王公園入口	7:06	161	赤城原望郷ライン交差点前	7:21	161	赤城原望郷ライン交差点前	7:25
003	沼田税務署前	7:07	162	中原	7:21	162	中原	7:25
004	沼田高校入口	7:08	163	中原南	7:21	163	中原南	7:25
005	材木町	7:08	164	赤城高原サービスエリア前	7:21	164	赤城高原サービスエリア前	7:25
006	上之町	7:10	165	松ノ木平第一住民センター	7:21	165	松ノ木平第一住民センター	7:25
007	馬喰町	7:11	166	横道上	7:21	166	横道上	7:25
008	旭ヶ丘	7:12	167	利根実業赤城農場前	7:21	167	利根実業赤城農場前	7:25
009	細新道	7:13	168	千年の森	7:21	168	千年の森	7:25
010	上沼須	7:14	169		7:21	169		7:25
011	下方	7:15	170		7:21	170		7:25
012	国立沼田病院	7:16	171		7:21	171		7:25
013	利根中央病院	7:16	172		7:21	172		7:25
014	岩本駅	7:16	173		7:21	173		7:25

※ 1 Các chuyến giữa 「桐生地区」 và 「赤城久呂保高原～昭和の森山荘前」 chỉ hoạt động từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 11

Tuyến Nagai Đến Nagai			Tuyến vòng tròn Nakano・Ogose Chiều đến Oiwake・Nakano trước			Tuyến vòng tròn Akaya・Sakura Chiều đến Akaya trước		
Số	Tên trạm xe buýt	Giờ	Số	Tên trạm xe buýt	Giờ	Số	Tên trạm xe buýt	Giờ
001	沼田市保健福祉センター前	17:50	118	昭和村役場前(とねしん昭和支店前)	17:50	118	昭和村役場前	17:50
002	十王公園入口	17:51	119	昭和村役場前(とねしん昭和支店前)	17:50	119	昭和村役場前	17:50
003	沼田税務署前	17:52	120	昭和村役場前(とねしん昭和支店前)	17:50	120	昭和村役場前	17:50
004	沼田高校入口	17:53	121	赤井宿	17:51	121	赤井宿	17:51
005	材木町	17:53	122	赤井区民館前	17:51	122	赤井区民館前	17:51
006	上之町	17:55	123	中内	17:51	123	中内	17:51
007	馬喰町	17:56	124	昭和東小前	17:52	124	昭和東小前	17:51
008	旭ヶ丘	17:57	125	上内出	17:52	125	上内出	17:51
009	細新道	17:58	126	中棚	17:52	126	中棚	17:51
010	上沼須	18:00	127	新堀	17:55	127	新堀	17:55
011	下方	18:02	128	寺貝戸	17:57	128	寺貝戸	17:56
012	国立沼田病院	18:03	129	田岸	17:57	129	田岸	17:57
013	利根中央病院	18:03	130	堀ノ内	18:00	130	堀ノ内	18:00
014	岩本駅	18:04	131	貝野瀬農協前	18:00	131	貝野瀬農協前	18:00
001	沼田市保健福祉センター前	17:50	132	久保内	18:00	132	久保内	18:00
002	十王公園入口	17:51	133	貝野瀬	18:02	133	貝野瀬	18:02
003	沼田税務署前	17:52	134	生越下	18:04	134	生越下	18:02
004	沼田高校入口	17:53	135	生越	18:04	135	生越	18:04
005	材木町	17:53	136	中野	18:07	136	中野	18:04
006	上之町	17:55	137	大河原	18:08	137	大河原	18:04
007	馬喰町	17:56	138	中野下	18:08	138	中野下	18:04
008	旭ヶ丘	17:57	139	中野十二様前	18:08	139	中野十二様前	18:04
009	細新道	17:58	140	中野下集荷場	18:06	140	中野下集荷場	18:05
010	上沼須	18:00	141	中野上	18:06	141	中野上	18:05
011	下方	18:02	142	上中野住民センター	18:06	142	上中野住民センター	18:05
012	国立沼田病院	18:03	143	中野営団入口	18:07	143	中野営団入口	